

Phiếu yêu cầu số: Mã hồ sơ:

Mã điểm cung cấp DVVT:

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ CỐ ĐỊNH, TRUYỀN HÌNH

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Tên Doanh nghiệp/Tổ chức/Cá nhân:
 Người yêu cầu (là đại diện hoặc được uỷ quyền bởi Doanh nghiệp (áp dụng đối với Doanh nghiệp/Tổ chức)):
 Chức vụ: Ngày sinh: Nam/nữ: Số ĐT liên hệ:
 Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu: Nơi cấp: Ngày cấp:...../...../.....

2. NỘI DUNG YÊU CẦU (Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng hỏi GDV)

2.1. Thông tin địa chỉ lắp đặt

Người liên hệ:
 Số nhà..... Đường..... Tổ..... Phường/xã.....
 Quận/Huyện..... Tỉnh/TP.....
 Điện thoại: Email:

2.2. Thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ

a. Thông tin dịch vụ:

- Hình thức cung cấp: Trên đường dây mới Trên đường dây có sẵn của Bên B
- Account/điện thoại:.....
- Số lượng thuê bao: Thuê bao đại diện:
- Thuê bao chủ tính cước:..... Thuê bao kèm theo: Từ số đến
- Loại dịch vụ truyền hình: Analog Số 1 chiều Số 2 chiều (tương tác)
- Số kênh truyền hình:
- Thiết bị bàn giao:

b. Thông tin dịch vụ đăng ký sử dụng

STT	Loại dịch vụ	Số thuê bao/ account	Số lượng thuê bao/ số kênh truyền hình	Gói cước	Hình thức cước (trọn gói/ theo lưu lượng)	Ghi chú
1	ADSL					
2	FTTH					
3	Điện thoại cố định					
	PSTN					
	IPPhone					
	Trung kế (số thuê bao chủ đại diện)					
4	Truyền hình					
	IPTV					
	Analog					
	Số 1 chiều					
5	Số 2 chiều tương tác					

c. Gói cước:

Dịch vụ	ADSL	FTTH	PSTN/IPPhone/TK	TH/ViettelTV	COMBO
Tốc độ (down/up)					
Cước niêm yết					
Cước thuê bao tháng (khi có KM)					
Thời gian hưởng khuyến mại					
Hình thức đóng cước					
Cước cam kết hàng tháng (nếu có)					
Cước thuê luồng E1 (Trung kế)					
Ưu đãi khác (nếu có)					

Lưu ý:

- Sau khi hết thời gian khuyến mại cước dịch vụ sẽ trở về giá niêm yết
- Đối với trường hợp đóng cước tháng trọn gói khi sử dụng không tròn tháng, cước thực tế khách hàng phải thanh toán được tính như sau: Giá cước/ Số ngày của tháng x Số ngày sử dụng thực tế.

d. Chi phí triển khai lắp đặt (Trả một lần/thuê bao tại thời điểm ký hợp đồng):

TT	Khoản mục	Dịch vụ/Thuê bao	Thành tiền	Ghi chú
1	Phí hòa mạng			
2	Phí thiết bị			
3	Cước đóng trước			
4	Phí đăng ký số đẹp			
5	Phí đăng ký IP			
6	Hạn mức sử dụng (PSTN)			
7			
Tổng tiền (bao gồm VAT)				

(Bằng chữ:

- Khách hàng không được hoàn lại số tiền lắp đặt ban đầu nếu khách hàng tự hủy, tạm ngưng hoặc thanh lý trong thời gian cam kết mà không do lỗi của bên cung cấp.
- Trong quá trình triển khai dịch vụ nếu phát sinh thêm thiết bị, vật tư khách hàng thanh toán theo quy định của Bên cung cấp căn cứ vào chính sách hiện hành.

e. Dịch vụ giá trị gia tăng (áp dụng đối với thuê bao điện thoại cố định):

- | | | |
|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Khóa dịch vụ 108x/801x | <input type="checkbox"/> Thông báo vắng nhà | <input type="checkbox"/> Cài âm thông báo đổi số |
| <input type="checkbox"/> Tạo nhóm trượt liên tục | <input type="checkbox"/> Thiết lập đường dây nóng | <input type="checkbox"/> Cài đặt hộp thư thoại |
| <input type="checkbox"/> Mở gọi quốc tế | <input type="checkbox"/> Cấp tín hiệu đảo cực cho Công ty, Khách sạn | <input type="checkbox"/> Tách số máy ra khỏi nhóm trượt |
| <input type="checkbox"/> Khóa gọi liên tỉnh và quốc tế | <input type="checkbox"/> Cấp tín hiệu đảo cực cho Khách hàng thường | <input type="checkbox"/> Bổ sung số máy vào nhóm trượt |
| <input type="checkbox"/> Khóa chiếu gọi đến | <input type="checkbox"/> Báo thức tự động | <input type="checkbox"/> Thông báo có cuộc gọi đến khi đàm thoại |
| <input type="checkbox"/> Khóa chiếu gọi đi | <input type="checkbox"/> Hạn chế cuộc gọi dùng mã cá nhân | <input type="checkbox"/> K+ (Truyền hình) |
| <input type="checkbox"/> Hiện thị số máy gọi đến | <input type="checkbox"/> Đàm thoại ba bên | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> Khóa gọi di động, liên tỉnh và quốc tế | <input type="checkbox"/> Chuyển cuộc gọi tạm thời | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> Không hiển thị số chủ gọi | <input type="checkbox"/> Quay số rút gọn | <input type="checkbox"/> |

3. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

- Tham gia chương trình ưu đãi/khuyến mại (nếu có):

Thời gian trừ cước đóng trước:

Ưu đãi thiết bị đầu cuối:

Ưu đãi dịch vụ khác:

- Cam kết khi hòa mạng số đẹp (đối với dịch vụ điện thoại cố định (nếu có))

TT	Nội dung	Giá trị/Thời gian
1	Mức cước cam kết đồng/tháng
2	Thời gian cam kết tháng

- Cam kết tham gia các chương trình khác của Viettel:

Thông tin chi tiết liên hệ:

Tôi/chúng tôi cam kết

1. Thanh toán cước đầy đủ, đúng theo quy định trong Hợp đồng.
2. Cam kết sử dụng dịch vụ liên tục 24 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.
3. Không được tiếp tục hưởng chương trình khuyến mại cũ; không được hoàn trả các khoản đã nộp ban đầu trong các trường hợp:
 - Ngừng sử dụng, chuyển nhượng hợp đồng trong thời gian cam kết;
 - Chuyển địa điểm lắp đặt dịch vụ sang vị trí mới mà tại vị trí đó Viettel không thể cung cấp dịch vụ theo yêu cầu.
4. Trong trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi khi sử dụng 2 dịch vụ trở lên, nếu tự hủy một dịch vụ thì chính sách ưu đãi sẽ không được tiếp tục áp dụng cho dịch vụ còn lại.
5. Không sử dụng dịch vụ sai mục đích, vi phạm quy định của pháp luật trong việc sử dụng dịch vụ viễn thông (ví dụ như quấy rối, trục lợi bất chính).
Tôi/chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung đã cam kết tại văn bản này.
Phiếu yêu cầu có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

....., ngày tháng ... năm 20....

KHÁCH HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIAO DỊCH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐIỂM CCDVVT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))